



QUYNH CƯ - ĐỒ ĐỨC HÙNG

CÁC TRIỀU ĐẠI VIỆT NAM



THANH NIÊN

Các triều đại Việt Nam

Thứ bảy, 13 Tháng 12 2008 16:56



Nội dung Các Triều đại Việt Nam là bài viết tóm tắt các triều đại, vua, chúa, các thủ lĩnh, các thế lực bảo hộ ngoại bang có ảnh hưởng lớn trong một giai đoạn lịch sử trị vì nước Việt Nam từ thời Kinh Dương Vương và các vua Hùng cho đến hết triều đại nhà Nguyễn và tiếp nối các chế độ chính trị sau thời kỳ phong kiến cho tới nay. Có rất nhiều triều đại được cho là không đúng bản chất vì nhiều lý do. Chúng tôi hy vọng với sự khái quát theo diễn tiến thời gian của các triều đại, các thế hệ tầng lớp cai trị..., để mọi người có thể tham khảo và bàn luận thêm.

Bài tổng hợp có thể còn những điểm chưa được hoàn thiện rất mong được sự góp ý của quý độc giả, mọi ý kiến chỉnh

sửa cho bài viết vui lòng comment phía dưới bài viết hoặc email qua địa chỉ email:

baiviet@vinhanonline.com

HỒNG BÀNG & VĂN LANG: (Khoảng thế kỷ 7 đến thế kỷ 3 trước CN)

1. [Kinh Dương Vương](#) (~3054--~2839 TCN)
2. [Lạc Long Quân](#)
3. [Hùng Vương](#) (18 đời)

ÂU LẠC & NAM VIỆT: (Thế kỷ 3 trước CN)

1. [An Dương Vương](#) (257-207 TCN)

THUỘC TÂY HÁN : (Thế kỷ 2 trước CN đến năm 25)

1. **Triệu Vũ Vương** Triệu Đà 207-137 TCN
2. **Triệu Văn Vương** Triệu Hồ 137-125 TCN
3. **Triệu Minh Vương** Triệu Anh Tê 125-113 TCN
4. **Triệu Ai Vương** Triệu Hưng 113-112 TCN
5. **Triệu Thuật Dương Vương** Triệu Kiến Đức 112-111 TCN

Các vua nhà Triệu là người Hán, không phải người Việt.

THUỘC ĐÔNG HÁN: (25 - 226)

1. [Hai Bà Trưng](#): Trưng Trắc - Trưng Nhị (40 - 43)

THUỘC ĐÔNG NGÔ: (220 - 265)

1. [Bà Triệu](#): Triệu Thị Trinh (246 - 248)

THUỘC LƯƠNG TẤN : (265 - 420)

THUỘC NAM BẮC TRIỀU : (420 - 589)

NHÀ LÝ & NHÀ TRIỆU : (541-602)

1. [Lý Nam Đế](#) Lý Bí còn gọi là Lý Bôn 541-548
2. [Triệu Việt Vương](#) Triệu Quang Phục 549-571
3. [Hậu Lý Nam Đế](#) Lý Phật Tử 571-602

THUỘC TÙY : (602 - 617)

THUỘC ĐUỜNG : (618 - 907)

1. [Mai Hắc Đế](#) : Mai Thúc Loan 722
1. [Phùng Hưng](#) : Phùng An 791

THUỘC NGŨ ĐẠI : (907 - 938)

NHÀ KHÚC (Tĩnh Hải Tiết độ sứ): (905 - 939)

1. [Khúc Thừa Du](#) 906-907
2. [Khúc Thừa Hạo](#) 907-917
3. [Khúc Thừa Mỹ](#) 917-923/930
4. [Dương Đình Nghệ](#) 931-937
5. [Kiều Công Tiễn](#) 937-938

NHÀ NGÔ : (939 - 967)

1. [Tiền Ngô Vương](#) Ngô Quyền 939-944
2. [Dương Bình Vương](#) Dương Tam Kha 944-950
3. [Hậu Ngô Vương](#) Ngô Xương Ngập 950-965
[Hậu Ngô Vương](#) Ngô Xương Văn 950-965

Dương Tam Kha cướp ngôi của nhà Ngô và làm vua trong 6 năm.

*Thời Hậu Ngô Vương gồm hai vị vua **Nam Tấn Vương** Ngô Xương Văn và **Thiên Sách Vương** Ngô Xương Ngập cùng trị vì.*

LOẠN 12 SỨ QUÂN

NHÀ ĐÌNH : (968 - 980)

1. [Đình Tiên Hoàng](#) Đinh Bộ Lĩnh 968-979
2. [Đình Phế Đế](#) Đinh Toàn 979-980

NHÀ TIỀN LÊ : (980 - 1010)

1. [Lê Đại Hành](#) Lê Hoàn 980-1005
2. [Lê Trung Tông](#) Lê Long Việt 1005 (3 ngày)
3. [Lê Ngọa Triều](#) Lê Long Đĩnh 1005-1009

NHÀ LÝ : (1010 - 1225)

1. [Lý Thái Tổ](#) Lý Công Uẩn 1010 - 1028
2. [Lý Thái Tông](#) Lý Phật Mã 1028 - 1054
3. [Lý Thánh Tông](#) Lý Nhật Tôn 1054 - 1072
4. [Lý Nhân Tông](#) Lý Càn Đức 1072 - 1127
5. [Lý Thần Tông](#) Lý Dương Hoán 1128 - 1138
6. [Lý Anh Tông](#) Lý Thiên Tộ 1138 - 1175
7. [Lý Cao Tông](#) Lý Long Trát 1176 - 1210
8. [Lý Huệ Tông](#) Lý Sảm 1211 - 1224
9. [Lý Chiêu Hoàng](#) Lý Phật Kim 1224 đến 1225

Lý Chiêu Hoàng là Nữ vương duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

NHÀ TRẦN : (1225 - 1400)

1. [Trần Thái Tông](#) Trần Cảnh 1225-1258
2. [Trần Thánh Tông](#) Trần Hoảng 1258-1278
3. [Trần Nhân Tông](#) Trần Khâm 1279-1293
4. [Trần Anh Tông](#) Trần Thuyên 1293-1314
5. [Trần Minh Tông](#) Trần Mạnh 1314-1329
6. [Trần Hiến Tông](#) Trần Vượng 1329-1341
7. [Trần Du Tông](#) Trần Hạo 1341-1369
8. [Hôn Đức Công](#) Dương Nhật Lễ 1369-1370
9. [Trần Nghệ Tông](#) Trần Phủ 1370-1372
10. [Trần Duệ Tông](#) Trần Kính 1372-1377
11. [Trần Phế Đế](#) Trần Hiện 1377-1388
12. [Trần Thuận Tông](#) Trần Ngung 1388-1398
13. [Trần Thiếu Đế](#) Trần Án 1398-1400

NHÀ HỒ : (1400 - 1407)

1. [Hồ Quý Ly](#) Hồ Quý Ly 1400
2. [Hồ Hán Thương](#) Hồ Hán Thương 1401-1407

NHÀ HẬU TRẦN : (1407 - 1414)

1. [Giản Định Đế](#) Trần Ngỗi 1407 - 1409
2. [Trần Trùng Quang](#) Trần Quý Khoáng 1407 - 1414

THUỘC MINH : (1407-1427)

1. [Trần Cảo](#) Trần Cảo 1426-1428

NHÀ LÊ : (1428 - 1788)

1. [Lê Thái Tổ](#) Lê Lợi 1428-1433
2. [Lê Thái Tông](#) Lê Nguyên Long 1433-1442
3. [Lê Nhân Tông](#) Lê Bang Cơ 1442-1459
4. [Lê Đức Hậu](#) (Lạng Sơn Vương) **Lê Nghi Dân** 1459-1460
5. [Lê Thánh Tông](#) Lê Tư Thành (Lê Hạo) 1460-1497
6. [Lê Hiến Tông](#) Lê Tranh 1497-1504
7. [Lê Túc Tông](#) Lê Thuần 6/1504-12/1504
8. [Lê Uy Mục](#) Lê Tuấn 1505-1509
9. [Lê Tương Dực](#) Lê Oanh 1510-1516
10. [Lê Chiêu Tông](#) Lê Y 1516-1522
11. [Lê Cung Hoàng](#) Lê Xuân 1522-1527

NAM BẮC TRIỀU

Bắc Triều - Nhà Mạc : (1527 - 1593)

1. [Mạc Thái Tổ](#) Mạc Đăng Dung 1527-1529
2. [Mạc Thái Tông](#) Mạc Đăng Doanh 1530-1540
3. [Mạc Hiến Tông](#) Mạc Phúc Hải 1541-1546
4. [Mạc Tuyên Tông](#) Mạc Phúc Nguyên 1546-1561
5. [Mạc Mậu Hợp](#) Mạc Mậu Hợp 1562-1592
6. **Mạc Toàn** Mạc Toàn 1592
7. **Mạc Kính Chỉ** (1592-1593)
8. **Mạc Kính Cung** (1593-1625)
9. **Mạc Kính Khoan** (1623-1638)

10. Mạc Kính Vũ (Mạc Kính Hoàn) (1638-1677)

Từ đời Mạc Kính Chỉ, con cháu nhà Mạc rút lên Cao Bằng, tồn tại cho đến năm 1677 mới bị diệt hẵn:

Nam Triều - Lê Trung Hưng (1533 - 1788)

1. **Lê Trang Tông** Lê Duy Ninh 1533-1548
2. **Lê Trung Tông** Lê Huyền 1548-1556
3. **Lê Anh Tông** Lê Duy Bang 1556-1573
4. **Lê Thế Tông** Lê Duy Đàm 1573-1599

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

- Lê Trung Hưng (Trên Danh Nghĩa)

1. **Lê Kính Tông** Lê Duy Tân 1600-1619
2. **Lê Thần Tông** Lê Duy Kỳ 1619-1643
3. **Lê Chân Tông** Lê Duy Hựu 1643-1649
4. **Lê Thần Tông** Lê Duy Kỳ 1649-1662
5. **Lê Huyền Tông** Lê Duy Vũ 1663-1671
6. **Lê Gia Tông** Lê Duy Hối (Lê Duy Cối, Lê Duy Khoái) 1672-1675
7. **Lê Hy Tông** Lê Duy Hợp 1676-1704
8. **Lê Dụ Tông** Lê Duy Đường 1705-1728
9. **Hôn Đức Công** Lê Duy Phường 1729-1732
10. **Lê Thuần Tông** Lê Duy Tường 1732-1735
11. **Lê Ý Tông** Lê Duy Thận 1735-1740
12. **Lê Hiến Tông** Lê Duy Diêu 1740-1786
13. **Lê Mẫn Đế** Lê Duy Khiêm (Lê Duy Kỳ) 1787-1789

- Chúa Trịnh: (1545 - 1787)

1. **Thế Tổ Minh Khang Thái Vương** Trịnh Kiểm 1545-1570
2. **Bình An Vương** Trịnh Tùng 1570-1623
3. **Thanh Đô Vương** Trịnh Tráng 1623-1652
4. **Tây Định Vương** Trịnh Tạc 1653-1682
5. **Định Nam Vương** Trịnh Căn 1682-1709
6. **An Đô Vương** Trịnh Cương 1709-1729
7. **Uy Nam Vương** Trịnh Giang 1729-1740
8. **Minh Đô Vương** Trịnh Doanh 1740-1767

9. **Tĩnh Đô Vương** Trịnh Sâm 1767-1782
10. **Điện Đô Vương** Trịnh Cán 1782 (2 tháng)
11. **Đoan Nam Vương** Trịnh Khải 1782-1786
12. **Án Đô Vương** Trịnh Bồng 1786-1787

- Chúa Nguyễn: (1600 - 1802)

1. **Tiên vương (Chúa Tiên)** Nguyễn Hoàng 1600-1613
2. **Sãi vương (Chúa Bụt)** Nguyễn Phúc Nguyên 1613-1635
3. **Thượng vương** Nguyễn Phúc Lan 1635-1648
4. **Hiền vương** Nguyễn Phúc Tần 1648-1687
5. **Nghĩa vương** Nguyễn Phúc Trăn 1687-1691
6. **Minh vương** Nguyễn Phúc Chu 1691-1725
7. **Ninh vương** Nguyễn Phúc Chú 1725-1738
8. **Vũ Vương** Nguyễn Phúc Khoát 1738-1765
9. **Định Vương** Nguyễn Phúc Thuần 1765-1777
10. **Nguyễn Ánh** Nguyễn Phúc Ánh 1781-1802

NHÀ TÂY SƠN : (1788 - 1802)

1. **Thái Đức Hoàng Đế** Nguyễn Nhạc 1778-1793
2. **Thái Tổ Vũ Hoàng Đế** Nguyễn Huệ 1788-1792
3. **Cảnh Thịnh Hoàng Đế** Nguyễn Quang Toản 1792-1802

NHÀ NGUYỄN : (1802 - 1945)

1. **Gia Long** Nguyễn Thế Tổ - Nguyễn Phúc Ánh 1802-1819
2. **Minh Mạng** Nguyễn Thánh Tổ - Nguyễn Phúc Đảm 1820-1840
3. **Thiệu Trị** Nguyễn Hiến Tổ - Nguyễn Phúc Miên Tông 1841-1847
4. **Tự Đức** Nguyễn Dục Tông - Nguyễn Phúc Hồng Nhậm 1848-1883
5. **Dục Đức** Nguyễn Cung Tông - Nguyễn Phúc Ưng Chân 1883 (3 ngày)
6. **Hiệp Hoà** Nguyễn Phúc Hồng Dật 6/1883-11/1883
7. **Kiến Phúc** Nguyễn Giản Tông - Nguyễn Phúc Ưng Đăng 12/1883-8/1884
8. **Hàm Nghi** Nguyễn Phúc Ưng Lịch - 8/1884-8/1885
9. **Đông Khánh** Nguyễn Cảnh Tông - Nguyễn Phúc Ưng Đường 1885-1888
10. **Thành Thái** Nguyễn Phúc Bửu Lân 1889-1907
11. **Duy Tân** Nguyễn Phúc Vĩnh San 1907-1916

12. [Khải Định](#) Nguyễn Hoàng Tông Nguyễn Phúc Bửu Đảo 1916-1925
13. [Bảo Đại](#) Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy 1926-1945

PHÁP THUỘC: (1858 - 1945)

CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG:

NAM BẮC: (1954 - 1975)

- Việt Nam Cộng Hòa Tổng Thống:

1. [Ngô Đình Diệm](#) 26/10/1955 - 2/11/1963
2. **Nguyễn Văn Thiệu** 1/9/1967 - 21/4/1975
3. **Trần Văn Hương** 21/4/1975 - 28/4/1975
4. **Dương Văn Minh** 28/4/1975 - 30/4/1975

- Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa:

VIỆT NAM: (1975 - NAY)

- Danh sách Tổng bí thư Đảng qua các thời kỳ.
- Danh sách Chủ tịch nước qua các thời kỳ.
- Danh sách Thủ tướng chính phủ qua các thời kỳ.